

TỜ TRÌNH
**Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh An Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ xây dựng Nghị quyết

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ vào tình hình thực tế về nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang hiện tại và trong những năm tiếp theo.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản có vai trò rất quan trọng trong phát triển nông nghiệp nông thôn; liên kết giúp nâng cao lợi ích của các bên tham gia, đặc biệt là với nông dân; hạn chế tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, tăng quy mô sản xuất hàng hóa tập trung và rất thuận lợi cho việc áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, hiện đại, đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm; đồng thời nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, tránh tình trạng “được mùa mất giá” và giúp doanh nghiệp tạo được vùng nguyên liệu ổn định quy mô lớn sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2016 về việc quy định mức chi hỗ trợ đối với chính sách khuyến khích phát triển, hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn.

Sau quá trình thực hiện, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã bộc lộ nhiều hạn chế như: (1) Chỉ tập trung cho lĩnh vực trồng trọt, đặc biệt là cây lúa mà chưa đề cập đến các lĩnh vực khác như chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp; (2) Các quy định về chính sách hỗ trợ phát triển liên kết sản xuất chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp tham gia; (3) Chính sách còn dàn trải, chưa tập trung giải quyết những yêu cầu cấp thiết như trong tổ chức lại sản xuất, xây dựng các chuỗi giá

trị, đẩy mạnh đầu tư cho khâu bảo quản, chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; (4) Thiếu các chế tài xử lý các tranh chấp hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; (5) Thủ tục thực hiện theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg phức tạp, khó thực hiện.

Khắc phục những bất cập, còn hạn chế đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2018 thay thế Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Nghị định 98/2018/NĐ-CP đã chỉ rõ định mức và nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn hợp pháp khác.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, các văn bản của tỉnh đã ban hành phải được rà soát sửa đổi, bổ sung (hoặc thay thế) cho phù hợp với các quy định mới của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Bộ, ngành Trung ương.

Từ đó, yêu cầu cấp thiết phải xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp phù hợp với thẩm quyền và các quy định của pháp luật; ban hành định mức hỗ trợ đối với từng nội dung phù hợp theo thực tế và cụ thể hồ sơ, trình tự thủ tục nhận hỗ trợ để đối tượng thụ hưởng tiếp cận được chính sách.

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính Phủ.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Mục đích

- Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 17 Nghị định 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

1. Xác định, phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và thông báo công khai trên địa bàn tỉnh.

2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn.

3. Phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn theo thẩm quyền. Quy định phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết.

4. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra tình hình thực hiện trên địa bàn tỉnh. Bố trí ngân sách hỗ trợ liên kết theo quy định tại Nghị định này.

- Các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này gồm: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết; hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản

xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng mô hình khuyến nông; đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường; hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã; hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Nghị quyết này làm cơ sở để cá nhân, hợp tác xã và doanh nghiệp trực tiếp thực hiện liên kết sản xuất sản phẩm nông nghiệp được tiếp cận các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Trong đó trọng tâm là tạo điều kiện thuận lợi cho Hợp tác xã nông nghiệp phát triển, trở thành cầu nối quan trọng giữa doanh nghiệp và nông dân, tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung và tiến tới liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp để sản xuất theo đặt hàng của doanh nghiệp tiêu thụ theo chuỗi giá trị với tiêu chuẩn chất lượng xác định trước, còn nông dân an tâm sản xuất khi biết trước sản phẩm sẽ bán cho ai và mức lợi nhuận có thể đạt được, không còn lo ‘được mùa mất giá’.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Việc xây dựng văn bản đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công,...; nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ và điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hiện tại và trong những năm tiếp theo.

- Khuyến khích thực hiện các hình thức liên kết theo Điều 4 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP cho các đối tượng theo Điều 2 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

- Sau khi Nghị định 98/2018/NĐ-CP ban hành, ngày 18 tháng 7 năm 2018, UBND tỉnh đã có công văn số 3572/VPUBND-KTN về việc nghiên cứu triển khai Nghị định 98/2018/NĐ-CP “Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo nội dung Nghị định số 98/2018/NĐ-CP”.

- Thực hiện văn bản số 105/HĐND-TT ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc “Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2018 ban hành 01 nghị quyết triển khai thực hiện đồng thời 02 Nghị định gồm: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính Phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp”.

- Ngày 02 tháng 10 năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 1063/UBND-TH về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, theo đó: “Nghị định số

98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp sẽ **trình tại kỳ họp lần thứ 10 năm 2019**”.

- Ngày 14 tháng 11 năm 2018 UBND tỉnh có Công văn số 1234/UBND-TH của UBND tỉnh về đăng ký Chương trình ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh năm 2019, trong đó Nghị định 98/2018/NĐ-CP, UBND tỉnh đăng ký trình HĐND tỉnh thông qua trong kỳ họp giữa năm 2019.

Sau khi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lấy ý kiến đơn vị liên quan và dự thảo đã được Sở Tư pháp thẩm định ngày 08 tháng 3 năm 2019 tại Báo cáo số 47/BC-STP, dự thảo đã được hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh.

Thực hiện các ý kiến đóng góp tại cuộc họp Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh ngày 30/5/2019 theo Thông báo số 51-TB/BCSD ngày 03/6/2019 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết và được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 153/BC-STP ngày 12 tháng 6 năm 2019, trình UBND tỉnh.

Tiếp thu góp ý của Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh tại cuộc họp ngày 28/6/2019, dự thảo đã được bổ sung hoàn chỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 chương, 10 điều, với các nội dung chính sau:

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Theo Điều 2 Nghị định 98/2018/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ

Theo Điều 10 Nghị định 98/2018/NĐ-CP.

Điều 4. Hình thức liên kết, hợp đồng liên kết và dự án liên kết

Theo Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

Chương II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ

Theo Điều 11 Nghị định 98/2018/NĐ-CP.

Điều 6. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Theo Điều 7 Nghị định 98/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Theo Điều 8 Nghị định 98/2018/NĐ-CP.

Điều 8. Hỗ trợ khuyến nông; đào tạo, tập huấn; giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; ứng dụng khoa học công nghệ

Thực hiện theo Điều 9 Nghị định 98/2018/NĐ-CP, trong đó có nội dung hỗ trợ:

“c) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm **tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất**, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã;

d) **Ngân sách** hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.”

Nội dung đề xuất ban hành định mức cụ thể:

- **Hỗ trợ về giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất**, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã.

- **Hỗ trợ 40%** chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

Điều 9. Hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và Thông tư của Bộ, ngành Trung ương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Điều khoản chuyển tiếp: Các bên tham gia liên kết đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án để được hưởng chính sách theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển, hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn chưa được hưởng hỗ trợ chính sách trên thì điều chỉnh định mức hỗ trợ, đồng thời hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết này.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang, thay thế Tờ trình số 366/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và quyết định./.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, TT.HĐND, TT.UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, TC, KHĐT, KHCN;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng: KTN, HCTC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Thư

